

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 27-9-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Tươi.

Ông Nguyễn Văn Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1965.

Cư trú tại: khu phố L, phường T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** ông Trần Văn O, sinh năm 1959.

Cư trú tại: ấp L, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Bà L, ông O vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Bà và ông Trần Văn O chung sống với nhau từ năm 1983 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hòa Thành (nay là xã A, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng bà về chung sống cùng gia đình của bà tại xã A, huyện Hòa Thành. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 1985, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không còn phù hợp với

nhau, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau, không còn hạnh phúc. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ năm 1985, ông O đã về sống tại xã C, thị xã Trảng Bàng đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng bà không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông O.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là anh Trần Minh T, sinh năm 1984. Khi ly hôn, anh T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng bà không nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trần Văn O trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề, tình cảm đã phai nhạt và đã tự ly thân từ năm 1985 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là anh Trần Minh T, sinh năm 1984. Khi ly hôn, anh T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông không nợ ai.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Trần Văn O. Bà L được ly hôn ông O.

Về con chung: anh Trần Minh T, sinh năm 1984 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L, ông O không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trần Văn O vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông O chung sống với nhau vào năm 1983 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hòa Thành (nay là xã A, thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân từ năm 1985, nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau, không còn quan tâm đến nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông O và ông O cũng đồng ý ly hôn bà L.

Xét thấy, bà L, ông O tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do bà L, ông O đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông O, cho bà L được ly hôn ông O là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: bà L, ông O có 01 người con chung là anh Trần Minh T, sinh năm 1984. Nay anh T đã thành niên nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà L, ông O không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Trần Văn O.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn ông Trần Văn O.

2. Về con chung: anh Trần Minh T, sinh năm 1984 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà L, ông O không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà L, ông O trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026707 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà L, ông O có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã A, tp. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thư**